

# CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐẢNG TRONG VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI HOA THẾ KỶ XVI - XVIII

DƯƠNG VĂN HUY\*

Chúng ta biết rằng, một trong những yếu tố quan trọng mà các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đưa khu vực này trở thành một thể chế thương nghiệp phồn thịnh nhất trong lịch sử Việt Nam, và lãnh thổ quốc gia được mở rộng đến tận Hà Tiên, Cà Mau, đó chính là chính sách thu phục nhân tâm rộng rãi của chính quyền. Các chúa Nguyễn không chỉ thu phục được những cư dân người Việt, người Khơ Me, người Chăm v.v... đến khai hoang lập xóm mở rộng lãnh thổ, mà còn cả đông đảo người Trung Hoa di cư. Đây là cách làm khôn khéo nhằm làm tăng thêm nguồn lực bổ sung để phát triển đất nước.

## I. THU HÚT NGƯỜI DI TRÚ VÀ ƯU ĐÃI VỀ KINH TẾ ĐỐI VỚI HỌ

Việc các chúa Nguyễn khai phá xứ Đàng Trong nằm trong thời kỳ mà sự di cư của người Trung Hoa ra hải ngoại với số lượng đông đảo và đi vào có tổ chức. Do những biến động của tình hình kinh tế

chính trị Trung Quốc, nhiều người Trung Hoa, nhất là những người sinh sống ở các tỉnh duyên hải Đông Nam Trung Quốc đã dời bỏ quê hương đi tìm một cơ hội làm ăn mới tốt đẹp hơn. Trong khi đó, ở Đàng Trong Việt Nam thời kỳ này, các chúa Nguyễn đang cần nhân lực để xây dựng thể và lực chống lại họ Trịnh ở Đàng Ngoài và mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam. Như vậy, nhu cầu tìm một vùng đất mới của người Trung Hoa di trú và nhu cầu về nhân lực của các chúa Nguyễn gặp nhau. Chính vì vậy, hàng loạt người Trung Hoa di trú đến Đàng Trong và chúa Nguyễn ngày càng thực thi chính sách mở rộng thu hút nhân tài vật lực.

*Các chúa Nguyễn tích cực khuyến khích người Trung Hoa di trú trở thành thân dân của mình. Thế kỷ XVII, XVIII, người Trung Hoa di cư vào Việt Nam diễn ra mạnh mẽ và hình thành lên những quần thể người Hoa đầu tiên có tổ chức. Chúa Nguyễn ở Đàng Trong với tinh thần*

\* Dương Văn Huy, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

cởi mở đối với những người ngoại quốc di cư đến. Đồng thời, chúa Nguyễn thực hiện những chính sách đồng hoá và sử dụng họ vào những mục đích kinh tế và chính trị của mình một cách có hiệu quả. Những người Trung Hoa sau khi nhập cư vào Đàng Trong, các chúa Nguyễn thực hiện chính sách đưa họ trở thành dân hộ tịch của mình và được đối xử như người dân Việt. Về vấn đề này, trong *Đại Nam thực lục* có chép: “Mùa xuân năm Mậu Dần (1689), bắt đầu đặt phủ Gia Định... Lại lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã ở Thanh Hà, ở Phiên Trấn, lập làm xã Minh Hương. Từ đó người Thanh đến buôn bán đều thành dân hộ của ta”<sup>(1)</sup>.

Cho phép người Hoa xây dựng lên những phố xá buôn bán của mình. Chính sách của chúa Nguyễn đối với từng bộ phận người không giống nhau. Đối với bộ phận thường dân và thương nhân, chính quyền tạo điều kiện cho họ sống tập trung nơi trung tâm buôn bán, thuận lợi giao thương, xây dựng nên những hàng những phố người Hoa ở các nơi như Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn, Đông Phố, Hà Tiên, Gia Định, Mỹ Tho v.v. Đồng thời, đối với những tập đoàn võ trang, chính quyền sử dụng chủ yếu trong việc mở mang, kinh lý đất hoang bảo vệ an ninh quốc gia, nhưng kết hợp với đó họ cũng thu hút lưu dân, lập nên phố xã người Hoa buôn bán.

Ở thương cảng Hội An thời kỳ đầu, người Hoa đã đến cảng thị này buôn bán và xây dựng nên phố buôn bán của mình cùng với thương nhân người Nhật, như lời nhận xét của Cristophoro Borri trong một

chuyến đi Đàng Trong năm 1621: “Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Trung Quốc chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ người ta nói được là có hai thành phố, một phố người Trung Quốc và phố người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, và sống theo tập tục riêng. Người Trung Quốc có luật lệ và phong tục riêng của họ và người Nhật cũng vậy”<sup>(2)</sup>.

Những cộng đồng người Hoa đầu tiên ở Hội An là những cụm dân cư, hay những phố thương mại của người Hoa-phố Khách, kết cấu này hình thành nhằm thuận tiện cho việc hoạt động thương mại. Thành phần cư dân chủ yếu là những thương nhân, bao gồm hai loại chủ yếu: một loại là những thương khách vì gió mùa không thuận, hoặc do thương vụ kéo dài, không kịp gió mùa tháng 7 hoặc tháng 8 về nước, đành chịu ở lại qua năm để chờ kỳ gió sang năm mới về Bắc; loại thứ hai, là những người muốn cư trú vĩnh viễn hoặc bán vĩnh viễn, họ chủ yếu là những thủ quỹ hoặc đại diện cho thuyền buôn hoặc công ty thuyền, một mặt bán các hàng hóa của thuyền mình, mặt khác mua sẵn các thú thổ sản như tơ lụa, hương kỳ nam, đường, hạt tiêu, yến, vây cá, tằm mộc,... để cho thuyền của công ty mình mùa xuân năm sau có đủ hàng hoá trở về Trung Quốc.

Chính quyền ưu ái đối với người Hoa trong hoạt động thương mại ở các thương cảng, nhất là vấn đề ưu đãi trong việc bao mua và thuế quan. Tại thương cảng Hội

An, người Hoa không những nắm trong tay công việc tàu vụ ở thương cảng nay mà trong các hoạt động thương mại với thị trường nội địa họ cũng bao thu mua và hàng hoá trong vùng để đến kỳ hội chợ họ cung cấp cho các tàu buôn nước ngoài. Mặt khác, họ mang những hàng hoá nước ngoài đi bán khắp các hang cùng ngõ hẻm. Bên cạnh đó, Hoa thương ở Hội An làm nhiệm vụ chuyển vận hàng hoá từ Trung Quốc đến hoặc có nguồn cung cấp hàng hoá do các tàu buôn đến từ các thương cảng của Trung Quốc, rồi từ đó họ chuyển hàng hoá đến các thương cảng khác của Đông Nam Á và Nhật Bản, hoặc bán cho các tàu buôn phương Tây vào mùa hội chợ. Năm 1744, Piere Poivre ghi lại rằng: *"thành phố Hội An như một cái kho chung của tất cả cá hàng hoá và là nơi trú ngụ của thương nhân người Hoa với bến đậu dọc theo bờ một con sông vương đầy ghe thuyền"*<sup>(3)</sup>.

Sự hoạt động hiệu quả và thành đạt của người Hoa trong nền thương mại của Đàng Trong cũng do chính sách cởi mở của chúa Nguyễn đối với Hoa thương. Hoa thương và Nhật thương còn tham gia tích cực vào bộ máy chính quyền Đàng Trong, điều đó khẳng định sự chiếm lĩnh thị trường Đàng Trong và chi phối mạnh mẽ nền thương mại ở đây. Khoảng cuối thế kỷ XVII, hoạt động buôn bán ở Hội An đều lọt vào tay người Hoa như trong một ghi chép của một lái buôn An là Bowyear về Đàng Trong năm 1695 như sau: *"Faifo gồm một con đường phố trên bờ sông và hai dãy nhà, có khoảng 100 nóc nhà của người Trung Quốc, cũng có 4, 5 gia đình người Nhật Bản. Xưa kia người Nhật là cư dân chính*

*và làm chủ việc thương mại ở hải cảng này, nhưng số ấy đã giảm bớt và của cải của họ cũng sút kém, sự quản trị công việc buôn bán hiện nay lọt vào tay người Trung Quốc, họ có ít nhất độ mười, mười hai chiếc thuyền hàng năm từ Nhật, Quảng Đông, Siam, Cambodia, Manila và đây từ Batavia tới"*<sup>(4)</sup>. Và cũng theo lời nhận xét của Pierre Poiver về việc lũng đoạn của Hoa thương ở Đàng Trong năm 1744 như sau: *"Về phần buôn bán xứ này, thật ra có thể nói là xứ Đàng Trong không phải là người giàu và người buôn bán giỏi. Cho đến nay họ mới chỉ buôn bán với ngoài cùng người Trung Quốc và người Nhật Bản. Người Nhật đã thôi từ 25 năm theo lệnh của Nhật hoàng, cấm không cho dân ra khỏi đất Nhật. Việc cấm này cũng có ở Đàng Trong. Vì thế người Đàng Trong buộc phải bằng lòng tiêu dùng những hàng hoá do người Trung Quốc mang đến"*<sup>(5)</sup>.

Theo như sự ghi chép của Cristophoro Borri trong một chuyến đi vào Đàng Trong năm 1621 thì: *"Người Trung Quốc và người Nhật là những người làm thương mại chính yếu ở xứ Đàng Trong tại một chợ phiên họp hàng năm ở một hải cảng và kéo dài tới chừng bốn tháng. Người Nhật chở trên thuyền của họ giá trị bằng bốn hay năm triệu bạc, còn người Trung Quốc chở trong tàu họ gọi là "Somes" (thuyền mảnh), rất nhiều thứ lụa mịn và nhiều hàng hoá khác của xứ họ. Chúa thu được lợi nhuận lớn trong việc buôn bán này bằng thuế hàng hoá và thuế hải khẩu ngài đặt ra và cả nước đều kiếm được rất nhiều mối lợi không thể tả hết"*<sup>(6)</sup>. Bên cạnh đó, Taboulet cũng cho biết ở Hội An:

“bến tàu sâu, tàu bè được đậu an toàn, rất tiện cho thương khách. Tàu có thể đậu ngay trước những thương điếm. Số Hoa kiều ở đây có tới 6.000 người và là những đại thương gia”<sup>(7)</sup>. Mặt khác, Thích Đại Sán trong *Hải Ngoại ký sự* cũng nhận xét: “Vi Hội An là một Mã Đầu lớn, nơi tập hợp của thương khách các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại đường cái, hai bên đường phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thả đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiên triều (nhà Minh)”<sup>(8)</sup>. Đồng thời, “người Đàng Trong không buôn bán ở ngoài vương quốc của họ, tức là họ tự làm lấy việc đó và ít đến nỗi không gọi là buôn bán, vì ngoài việc cho thuyền sang Siam và Cao Miên để mua thuốc súng, thì họ bỏ qua các thứ tiện nghi khác của cuộc sống. Người nước ngoài đi tìm xem người Nam kỳ có những thứ gì đặc biệt hoặc họ dùng người Trung Hoa để chở các thứ đó sang Trung Quốc và Nhật Bản, ở đây họ thu về tất cả bạc và tiền được lưu hành ở xứ Nam kỳ”<sup>(9)</sup>.

Những tàu buôn của Hoa thương tại thương cảng Hội An được chính quyền đặc biệt ưu đãi về thuế quan, theo như sự ghi chép trong *Phủ Biên tạp lục* (xem bảng thống kê - Bảng 1)<sup>(10)</sup>.

Nhìn vào bảng thống kê trên thì những tàu của người Hoa đến từ các cảng của Đàng Trong phải chịu thuế rất ít, và những tàu buôn đến từ các cảng của Trung Quốc và các nước Đông Nam Á rõ ràng cũng phải chịu một mức thuế không lớn, nhỏ hơn mức chịu thuế những tàu phương Tây. Những sự ưu ái về thuế quan đối với thương thuyền người Hoa đã thu hút được

**Bảng 1: Thể lệ thuế đánh đối với các thuyền buôn ở Đàng Trong thế kỷ XVIII**

(đơn vị: quan)

Nguồn gốc tàu	Thuế đến	thuế đi
Tàu Thượng Hải	3.000	300
Tàu Quảng Đông	3.000	300
Tàu Phúc Kiến	2.000	200
Tàu Hải Nam	500	50
Tàu Tây Dương	8.000	800
Tàu Macao	4.000	400
Tàu Nhật Bản	4.000	400
Tàu Xiêm La	2.000	200
Tàu Lữ Tống	2.000	200
Tàu Cựu Cảng	500	50
Tàu Trấn Hà Tiên	300	30
Tàu Sơn Đô	300	30

lượng lớn thuyền buôn Trung Hoa đến đây buôn bán. Chính vì vậy, triều đình thu được những khoản thu lớn từ thuế tàu này, chẳng hạn như “năm Tân Mão, tàu buôn các sứ đến Hội An 16 chiếc, tiền thuế là 30.800 quan; năm nhâm thìn 12 chiếc tiền thuế là 14.300 quan; năm quý tị 10 chiếc, tiền thuế là 13.200 quan”<sup>(11)</sup>.

Chúa Nguyễn sử dụng người Hoa vào công việc quản lý ngoại thương. Đối với thương cảng Hội An, chúa Nguyễn cho thiết lập bộ máy quản lý ngoại thương và cho nhiều người Minh Hương giữ nhiều chức vụ quan trọng ở bộ máy này do họ có nhiều kiến thức và kinh nghiệm ngoại thương hơn người Việt. Theo như sự ghi chép của Lê Quý Đôn trong *Phủ Biên tạp lục* thì: “Vào đời Vĩnh Lạc nhà Đại Minh có đặt ti Thị bạc để cử Thuận Hóa lại có trường Trừu Phân. Khi họ Nguyễn các sứ, thu được thuế thuyền rất nhiều. Đấy

cai tàu, tri tào mỗi chức một viên, cai bạ tàu, tri bạ tàu, cai phủ tàu, ký lục tàu, thủ tàu nội mỗi chức hai viên, cai phòng 6 người, lệnh sử 30 người toàn thuế binh 50 người, lính tàu 4 đội 70 người, thông sự 7 người"<sup>(12)</sup>, trong số này chủ yếu là người Hoa. Và, trong *An Nam cung dịch ký sự*, Chu Thuấn Thuỷ đã bị "chúa Nguyễn cường bách làm quan cho phủ chúa vào năm 1657" và chức cai tàu có nhiệm vụ "chuyên quản lý người Trung Quốc và tổng lý những sự vụ về tàu thuyền". Khổng Thiên Như đã giữ chức cai phủ tàu lâu năm, được chúa Nguyễn tín nhiệm, làm phúc cho thương khách và kiều dân Trung Quốc tại Hội An<sup>(13)</sup>.

Lại theo một chiếu dụ của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu ban cho nhân dịp một vị trong số Thập lão qua đời, thì Khổng Thiên Như đã từng giữ chức *Cai phủ tàu và kiêm quản các thương khách cùng nhân viên từ xưa ở lại hoặc mới tới Hội An*. Ngoài ra, Robert Kirstop, một viên chức thuộc công ty Đông ấn Anh cũng ghi nhận rằng: "*Đại đa số công chức (của phủ Cochinchina) là con cháu của nạn dân Trung Hoa chạy loạn qua đây từ hồi đại lục bị người Thanh chiếm giữ*"<sup>(14)</sup>.

Thấy được vai trò thương mại của người Hoa ở Hội An, chúa Nguyễn đã thừa nhận Minh Hương xã để vừa tỏ ra có sự dãi ngộ đặc biệt (vì có dành cho một số đặc quyền), vừa để kiểm soát nhằm thực hiện được dễ dàng chính sách đồng hoá. Thực vậy, dân xã Minh Hương thường đảm nhận những nhiệm vụ đáng được coi là những đặc quyền như: Công việc nghiệm xét cân lượng, định giá hàng hoá; thông

ngôn cho các tàu Trung Quốc hay ngoại quốc đến buôn bán ở Hội An. ở gần Vương phủ, như xã Minh Hương thuộc tỉnh Thừa Thiên, dân xã Minh Hương còn được giao phó các công tác như: trang trí, trần thiết, xe đèn sập, viết liễn đối, bày biện cỗ bàn, yến tiệc v.v.<sup>(15)</sup>.

Trong bản tấu do chức hương Minh Hương xã Hội An tâu lên triều đình nhà Lê vào khoảng tháng 2 năm cảnh Hưng thứ 39 (1778) cũng đã thể hiện rõ việc người Minh Hương tham gia vào công việc quản lý ngoại thương như thế nào: "*Nguyên cha ông chúng tôi qua quý quốc buôn bán, trước ở tản mát khắp các phủ, sau mới quy tụ lại lập thành Minh Hương xã. Chúng tôi chịu trách nhiệm xét cân lượng cùng giá hàng các tàu buôn và làm thông ngôn các tàu các nước. Bởi thế mong ơn cấp trên cho văn bằng có châu phê chuẩn miễn các việc phụ dịch, sưu sai, tuần đò và quét chợ...*". Soát lại bản tấu, ta nhận thấy rõ từ khi sáng lập Minh Hương, dân xã đã chịu đảm nhận những việc nghiệm xét cân lượng, định giá hàng hoá và thông ngôn cho các tàu Trung Quốc và ngoại quốc tới Hội An mậu dịch. Đứng lập trường khách quan mà nói, bốn công việc này có thể coi như đặc quyền của Minh Hương xã, cũng có thể nói là những lao dịch đặc biệt do chúa Nguyễn bắt Minh Hương xã phải làm<sup>(16)</sup>.

Chúa Nguyễn rất khôn khéo trong việc sử dụng người Hoa vào đúng việc, đặc biệt là trong các công việc như nghiệm xét cân lượng, định giá hàng hoá các tàu buôn, nhất là ở một cảng thị lớn mà tàu buôn ngoại quốc, nhiều nhất là tàu buôn Trung

Quốc thường tới lui tập nập, như thương cảng Hội An thì đòi hỏi phải có những sự hiểu biết và kinh nghiệm trong nghề. Giao phó cho họ công việc này, lại cho hưởng những đặc ân như “*dân xã được miễn các việc phục dịch, sưu sai, tuần đò và quét chợ*”, về dân bộ được đặc quyền “*sinh không kể, chết không trừ cho tới khi nào có đại điển (tức kiểm tra dân số mỗi năm một lần) mới tu bổ đem nộp*”<sup>(17)</sup>. Tức đã đặt họ trước những trách nhiệm phải thận trọng, chu đáo và tận tâm trong các phận sự có lợi cho chính quyền như đã kể trên, cũng như công việc kiểm xét thương khách, viên chức Trung Quốc và dân Minh Hương xã.

## II. NƠI LÔNG VÊ CHÍNH TRỊ VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ KHÔN KHÉO

*Thực hiện chính sách bán tự trị đối với họ Mạc ở Hà Tiên.* Khu vực Hà Tiên có nhóm người Trung Hoa đến định cư và khai phá đất đai, lập phố chợ, đó là nhóm của Mạc Cửu. Mạc Cửu dẫn đầu nhóm cư dân tị nạn gồm 400 người đổ bộ vào vùng đất tận cùng vùng Tây Nam Đàng Trong. Họ cũng là tàn quân nhà Minh, sau khi kháng chiến chống quân Thanh thất bại tìm đường đến Việt Nam xin cư trú chính trị. Năm 1708, chúa Nguyễn chấp nhận lời thỉnh cầu của Mạc Cửu, cho ông làm thống đốc Hà Tiên. Sau khi Mạc Cửu mất năm 1735, con là Mạc Thiên Tích nối nghiệp cha trị vì vùng này. Những người Hoa di trú tại Hà Tiên đã chiêu binh xây thành, mở chợ, đúc tiền, lập nên các chợ, phát triển thủ công, mỹ nghệ và xây dựng các trường học văn hoá và nghệ thuật Trung

Hoa. Họ đã biến vùng Hà Tiên thành một trong những trung tâm thương nghiệp và truyền bá văn hoá Trung Hoa ở Việt Nam và Cambuchia thế kỷ XVIII.

Từ một vùng đất hoang sơ, Mạc Cửu sau khi đến khai phá lập đô thị Hà Tiên, thu hút được lưu dân từ các nơi đổ về khai hoang và làm ăn buôn bán, Hà Tiên dần trở thành một hải cảng sầm uất mà ở đây thuyền bè tứ phương từ Trung Quốc, Đàng Ngoài, Palembang, Siam đổ về nhiều đến nỗi không sao đếm xiết các cột buồm, theo lời người An Nam nói và khiến người ta phải mệnh danh là *Quảng Đông thu nhỏ (petit Canton)*<sup>(18)</sup>. Đến năm 1736, Mạc Cửu qua đời con là Mạc Thiên Tứ lên thay và đã được chúa ban cho ba chiến thuyền long bài được miễn thuế, sai xuất dương tìm mua các của quý báu để nộp. Lại sai mở cục đúc tiền để tiện việc trao đổi<sup>(19)</sup>. Ông đã tiếp tục sự nghiệp của cha mình, biến Hà Tiên thành một cảng thị không chỉ của vùng Tây nam Bộ và là một cảng thị mang tính khu vực với nhiều luồng thương mại được tập trung về đây, và Hà Tiên trở thành trạm trung chuyển quan trọng giữa thị trường lục địa và thị trường hải đảo.

Hà Tiên dần trở thành một đơn vị hành chính bán tự trị, ở đó họ Mạc có quyền xây dựng phố xá, thu hút lưu dân đến khai hoang lập ấp, có quyền xây dựng quân đội riêng để bảo vệ vùng đất giáp ranh này. Đồng thời, họ Mạc ở đây có quyền thu thuế và hàng năm thực hiện chế độ tiến cống đối với chúa Nguyễn.

Khi khu vực Hà Tiên cũng như khu vực Đông Phố sau một thời gian hưng thịnh

mà chuyển sang suy tàn do sự tàn phá của những cuộc chiến tranh giữa các thế lực phong kiến, thì vùng đất Phiên Trấn (Gia Định) ngày càng tập trung người Hoa từ các nơi xiêu tán đến. Trong một thời gian ngắn, khu vực Gia Định đã trở thành khu vực tập trung người Hoa lớn nhất vùng Nam bộ, và Gia Định trấn trở thành một đô thị thương mại quan trọng nhất vùng phía Nam. Người Hoa ở đây đã xây dựng lên những phố người Hoa theo từng khu vực đồng hương như khu người Triều Châu, khu vực người Phúc Kiến, khu vực người Quảng Đông, khu vực người Hải Nam, đồng thời họ cũng xây dựng lên những chùa chiền miếu mạo, hội quán, trường học kiểu Trung Hoa.

• *Thừa nhận Minh Hương xã và các bang hội người Hoa với hình thức tự quản, nhà nước chỉ quản lý phân vĩ mô.* Chúng ta biết rằng, sau năm 1644, phong trào “phản Thanh phục Minh” diễn ra mạnh mẽ nhiều di thần trung thành nhà Minh đã di cư đến Đàng Trong, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà họ quyết định lưu trú vĩnh viễn ở vùng đất này. Mặt khác, được sự cho phép của chúa Nguyễn họ lập nên những những làng xã, khu phố ở các trung tâm kinh tế trở thành những thân dân của chúa Nguyễn Đàng Trong. Dần dần do nhu cầu của cuộc sống và thuận lợi cho kinh doanh buôn bán, những người Hoa cũng thiết lập cho mình những cộng ổn định ở Đàng Trong- “Minh Hương xã” trên khắp những vùng khác nhau của Đàng Trong từ Thuận Quảng đến vùng Nam bộ miễn là nơi nào có nhiều người Hoa sinh sống. Chính quyền không chỉ thừa nhận

Minh Hương xã ở Hội An, mà chính quyền Đàng Trong còn thừa nhận nhiều phố khách như Thanh Hà Phố, các Minh Hương xã ở nhiều nơi khác như Gia Định, Đồng Nai, Mỹ Tho, Hà Tiên, v.v. Cùng với đó, người Hoa được phép xây dựng các Bang, Hội của mình theo nguyên tắc tự quản ví dụ như các Bang hội của người Quảng Đông, người Phúc Kiến, người Triều Châu, người Hải Nam và có cả Bang, Hội chung cho những người không cùng đồng hương như *Dương Thương Hội Quán* (Trung Hoa Hội Quán). Nhà nước chỉ nắm các đơn vị tổ chức xã hội của người Hoa này thông qua người đứng đầu.

Đối với việc cư trú của người Hoa, chúa Nguyễn có những chính sách nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho họ có thể thuận lợi cư trú và tiến hành các hoạt động kinh tế ở Đàng Trong. Trước hết, các chúa Nguyễn cho phép người Hoa cư trú ở những địa điểm tập trung riêng. Đó là tên Minh Hương xã hay Thanh Hà ở Thuận Hoá, Hội An, Trấn Biên, Phiên Trấn, Hà Tiên. Riêng những người Hoa là những thương khách lưu động, không cư trú lâu dài, chúa Nguyễn cũng có chính sách khoan hậu như đối với những loại thương khách cư trú lâu dài, hoặc đối với những người Hoa kiều di trú không ổn định, hay di trú lâu dài nhưng vì nhiều lý do kinh tế, chính trị họ không ra nhập làm dân hộ tịch của chúa Nguyễn, nghĩa là không nhập vào Minh Hương xã mà họ có tổ chức riêng trong *Dương Thương Hội Quán*. *Dương Thương Hội Quán* được thành lập có tính chất đặc biệt, nó không phải là Hội Quán đồng hương như các Hội Quán khác như

Hội Quán Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Triệu, v.v. mà là một đoàn thể chủ yếu hỗ trợ giữa các thương khách theo thương thuyền tới Hội An và tạm trú tại đó mấy tháng thời gian mùa mậu dịch. *Trong lịch sử Đàng Trong chưa có hiện tượng chính quyền áp đặt địa điểm cư trú hoặc buộc di dân phải rời bỏ các địa điểm ngụ cư tự nhiên đến các địa điểm cư trú bắt buộc.*

Các địa điểm cư trú của người Hoa ở Thuận Quảng có vị trí như những trung tâm giao lưu kinh tế, văn hoá, còn các địa điểm cư trú của người Hoa ở Trấn Biên, Phiên Trấn, Hà Tiên, v.v. còn có thêm vị trí của các điểm tựa phòng thủ biên thủy, hỗ trợ an ninh cho công cuộc khai hoang, tạo thế phòng thủ để bảo vệ toàn vẹn các chủ quyền quốc gia. Vị trí quan trọng đó không phải ngẫu nhiên mà nằm trong tầm nhìn sáng suốt và sự quyết đoán của chúa Nguyễn khi tiếp nhận và bố trí định cư hai nhóm di thần nhà Minh có vũ trang là cơ sở hình thành bước đầu cho ý đồ chiến lược về việc sử dụng các nhóm cộng đồng người Hoa như những lực lượng chiến lược ở vùng phen dậu.

Chúa Nguyễn để cho người Hoa tự quản về hành chính, đó là việc đồng ý cho họ thiết lập nên Minh Hương xã, Thanh Hà phố, hay các Bang, Hội của người Hoa với cơ chế quản lý là tự quản nhà nước chỉ quản lý ở tầm vĩ mô. Ngoài ra, chúa Nguyễn cũng cho mở rộng nhập tịch và tiến hành quản lý như những cư dân người Việt. Việc ghi hộ tịch người Hoa có sự khác nhau giữa các xã có tên Minh Hương và các phố người Hoa như Thanh Hà phố và các khu kiều cư. Trong các Minh Hương

xã, các hương bộ của xã, cứ khi có đại điển (cuộc kiểm tra dân số lớn, cứ 6 năm 1 lần) thì được chỉnh sửa trên cơ sở đưa những người Hoa thuộc các loại dân sau đây vào danh sách số chính thức của xã: Khách Nương: dân mới đến ngụ cư; Thủy Hôi: dân di buôn xa mới về; Thủy Tục: dân có cha, anh đều có tên trong bộ, đã đủ 15 tuổi, đây là lớp người sinh đẻ tại chỗ có huyết thống Hoa. Chính sách hành chính hộ tịch này đã tạo điều kiện tốt cho người Hoa, nhất là người Minh Hương dễ dàng hoà nhập với cộng đồng cư dân bản xứ. Việc chúa Nguyễn sử dụng người Hoa vào việc cai quản đồng bào di cư của họ, *Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhất kỷ* chép: “Năm 1790, sai Khâm sai chương cơ dinh Trung quân quản đạo Toàn dũng là Trần Công Dẫn [người Thanh] cai quản người Đường mới cũ ở các tỉnh”<sup>(20)</sup>. Lại chép: “Năm 1791, định lệ thuế cho hai phủ Ba Xắc (Ba Thắc) và Trà Vinh. Lấy Lâm Ngũ Quan làm tổng phủ phủ Ba Xắc cai quản người Đường, ... Lư Việt Quang làm tổng phủ phủ Trà Vinh cai quản người Đường, đều tuân lệ trưng thu thuế nhà nước”<sup>(21)</sup>.

Đàng Trong thời kỳ cuối, những người Hoa định cư ở Thanh Hà phố cũng được xếp vào hạng Thủy Tục để đưa vào sổ dân bộ của các Minh Hương xã, còn người Hoa mới đến thì đưa vào sổ bộ phố Thanh Hà. Về mặt tư pháp, người Hoa ở Minh Hương xã, ở Thanh Hà phố và những tụ điểm của cộng đồng người Hoa khác thì “*dù án kiện gì cũng bắt tất trình qua tri huyện mà trực tiếp thuộc quyền trấn thủ các dinh trấn*”<sup>(22)</sup>. Đây là chính sách đặc biệt ưu đãi về mặt tư pháp đối với người Hoa. Nhưng

tất cả đều phải nằm dưới sự quản lý của chính quyền trung ương.

Các Bang, Hội thời kỳ các chúa Nguyễn mới chỉ ở giai đoạn sơ khai tổ chức các Bang, Hội này còn chưa chặt chẽ và tương đối độc lập, ít bị ràng buộc bởi chính quyền chúa Nguyễn cũng như chính quyền phong kiến Trung Quốc. Do những chi phối của môi trường di trú, các Bang của người Hoa không những khác nhau về tiếng nói, số lượng thành viên, mà còn khác nhau về cơ cấu nghề nghiệp và một phần lối sống văn hoá và địa vị xã hội. Và, nếu như các hình thức liên kết theo kiểu Bang, Hội của người Hoa nhằm quản lý người Hoa một cách chặt chẽ, thì tổ chức Minh Hương xã lại ở trên phạm vi lớn hơn, theo kiểu tổ chức làng xã của người Việt.

*Mềm dẻo và khôn khéo chế định và sử dụng các tập đoàn có vũ trang.* Đối với những người Hoa di cư là những di thần-tướng sĩ nhà Minh chạy sang nước ta dưới hình thức tập đoàn lớn có vũ trang như tập đoàn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên, các chúa Nguyễn đón nhận họ và chỉ thị cho họ nơi cư trú (Dương Ngạn Địch đến đóng ở Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên đến đóng ở Biên Hoà), đồng thời cho phép họ giữ nguyên tổ chức phiên chế quân đội cũ, vừa tiến hành khẩn hoang sản xuất, theo kiểu tập đoàn để tự giải quyết nhu cầu đời sống, vừa có thể duy trì tính cách là một đơn vị vũ trang tập trung nhằm phục vụ cho lợi ích của bản thân họ, theo như sự ghi chép trong *Đại Nam thực lục tiền biên* thì: “*Kỷ Mùi năm thứ 31 [1679], mùa xuân, tháng giêng, tướng cũ nhà Minh là Long môn tổng Dương Ngạn*

*Địch và phó tướng Hoàng Tiến, Cao Lôi Liêm tổng binh Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình đem hơn 3000 quân và hơn 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng, tự trần là bộ thần nhà Minh, nghĩa không chịu làm tôi nhà Thanh, nên đến để xin làm tôi tớ. Bấy giờ bàn bạc rằng: Phong tục tiếng nói của họ đều khác, khó bề sai dùng, nhưng họ bị thế cùng bức bách đến đây thì không nỡ cự tuyệt. Nay đất Đông Phố nước Chân Lạp đồng ruộng phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rỗi mà kinh lý, chi bằng nhân sức của họ cho đến khai khẩn để ở, làm một việc mà lợi ba điều. Chúa theo lời bàn liền đặt yến úy lạo kheo thưởng, trao cho quan chức khiến đến ở đất Đông Phố. Lại cáo dụ nước Chân Lạp rằng như thế là có ý không để nước Chân Lạp ra ngoài. Bọn Ngạn Địch đến cửa khuyết tạ ơn để đi. Binh thuyền của Ngạn Địch và Hoàng Tiến vào cửa Lôi Lạp (nay thuộc Gia Định); binh thuyền của Thượng Xuyên và An Bình thì vào cửa Cần Giờ, đến đóng ở Bàn Lân (nay thuộc Biên Hoà). Họ vỡ đất hoang, dựng phố xá, thuyền buôn người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập, do đó mà phong hoá Hán thấm dần vào đất Đông Phố”<sup>(23)</sup>.*

Đến năm 1698, chúa Nguyễn thiết lập Phủ Gia Định, địa vị của người Việt trên đất thuỷ Chân Lạp đã vững chãi, và thế lực đang trên đà phát triển, còn ở lục Chân Lạp thì nội loạn xảy ra liên tục, người Xiêm La luôn tìm cơ hội để can thiệp và xâm lấn. Vì vậy, muốn duy trì địa vị lâu dài của mình, nên Mạc Cửu đã nghe lời khuyên của mưu sỹ họ Tô, năm Mậu

Tý (1708), cùng thuộc bộ là bọn Trương Cầu, Lý Xá đem ngọc lụa đến Thuận Hoá dâng biểu xưng thần, xin cho làm *Hà Tiên trưởng*. Chúa Hiền Tông bằng lòng cho làm thuộc quốc, trao cho chức Tổng binh và ấn thu để giữ trấn Hà Tiên.

### III. CỨNG RẮN ĐỐI VỚI NHỮNG BỘ PHẬN CHỐNG ĐỐI

Đầu tiên là cuộc bạo động của Hoàng Tiến, phó tướng của đội quân Long Môn xảy ra vào năm 1688, Y đã nổi dậy giết chết chủ tướng của mình là Dương Ngạn Địch, tiếm dụng binh quyền, mưu đồ lập vương quốc riêng, gây mất ổn định nghiêm trọng vùng Đông Phố. Đàng Trong lập tức ra quân, nhanh chóng dẹp bẹp. Bên cạnh đó, vào tháng 12 năm 1693, một người Hoa tên là A Ban đã cùng với một quan chức cũ của Chiêm Thành là Ốc Nha Thát xúi giục người Chiêm Thành nổi loạn, đánh giết nhiều quan lại Đàng Trong vùng Thuận Thành và Phan Rang. A Ban đổi tên là Ngô Lãng, tự xưng mình có phép hô phong hoán vũ, gươm đao không hại được. Lực lượng nổi loạn của Y khá mạnh, quân binh Đàng Trong phải đánh dẹp cả năm trời mới xong.

Cuộc nổi loạn của Lý Văn Quang càng nghiêm trọng và phức tạp hơn. Tên này là thương khách giang hồ người Phúc Kiến, sang Đàng Trong mua bán và tạm ngụ ở Đại Phố Châu, Cù Lao Phố. Năm 1747, y tập hợp bọn lưu manh côn đồ hàng trăm tên, tự xưng là Đông Phố Đại vương, mưu đồ lập vương quốc riêng. Nhưng đại quân của tướng Tống Phước Đại đánh bại, bắt sống được y và đồng bọn 57 tên. Sau đó để

tỏ lòng hoà hiếu với Trung Quốc, nhân có thuyền đi đến nước Thanh, chúa Nguyễn đã cho dẫn độ y và đồng bọn về Trung Quốc xử tội.

Âm mưu đánh chiếm Hà Tiên của bọn Tàu phi, Tàu Ô như Hoắc Nhiên (1767), Trần Thái (1769), cướp biển tên Đức,... đã bị quân binh Mạc Thiên Tứ đánh dẹp. Đồng thời những nhóm cướp biển người Hoa hoạt động ở những khu vực biển gần Đàng Trong đều bị chính quyền tiêu diệt và nhiều bộ phận đưa về Trung Quốc để xử tội.

### IV. TÔN TRỌNG VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGƯỜI HOA HÓA NHẬP VỀ VĂN HÓA

Cùng do tương đồng nhiều điểm về văn hoá nên người Hoa di trú tại Đàng Trong hầu như không bị xung đột văn hoá với người bản địa. Các chúa Nguyễn thực hiện tôn trọng văn hoá của những người Hoa di trú. Người Hoa đi đến đâu cũng mang theo những nét văn hoá truyền thống của mình, chính quyền cũng tạo điều kiện cho họ sống thành những cộng đồng bảo lưu những nét văn hoá của mình. Khi người Hoa đến các vùng định cư họ đều xây dựng đền chùa miếu mạo, hội quán của người Hoa mang phong cách Hoa, những nếp sống văn hoá, phong tục, lễ hội đều được chính quyền bản địa tôn trọng và tạo điều kiện để truyền bá ảnh hưởng và hoà nhập vào nền văn hoá bản địa.

Chính sự tôn trọng văn hoá của người Hoa di trú mà nhiều nơi có người Hoa cư trú thì văn hoá Trung Hoa đã thấm nhuần và ảnh hưởng mạnh đến bộ phận cư dân Việt bản địa. Chẳng hạn như

trường hợp của Dương Ngạn Địch ở Nông Nại Đại Phố, hay trường hợp họ Mạc ở Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ: con trai của Mạc Cửu đã biến Hà Tiên chẳng những thành nơi cư ngụ thú vị, sầm uất mà còn trở thành một trung tâm tri thức truyền bá văn hoá Hán, ông đã thành lập ra “Thập bát Anh” nhằm phát triển mở rộng phong hoá Hán nơi đây.

## V. MỘT VÀI NHẬN XÉT

Xét một cách tổng thể về chính sách của chúa Nguyễn Đàng Trong đối với người Hoa như sau: *Đó là chính sách khôn khéo cởi mở đối với các tầng lớp người Hoa, những kiều cư chỉ cư trú tạm thời để buôn bán, những nhóm thương nhân, người thường dân tránh nạn đến cư trú lâu dài và tập đoàn võ trang chúa Nguyễn đều có những cách xử lý riêng, thông minh khôn khéo để họ có thể hoà nhập với người Việt và phục vụ tốt cho sự nghiệp của chính quyền Đàng Trong<sup>(24)</sup>.*

Nếu như đem so sánh với các nước Đông Nam Á khác cùng thời, chúng ta thấy rõ một sự tương phản tương đối. Chúng đều biết hầu hết các nước Đông Nam Á thế kỷ XVII - XVIII như Chân Lạp, Xiêm La, Indônêxia, Philippine đối với người Hoa đều thi hành chế độ “Capitan” hoặc “Shahbadar”<sup>(25)</sup>, cho phép kiều dân tự trị, không can thiệp đến sinh hoạt, và coi như người ngoại quốc. Trái lại chúa Nguyễn (cũng như Nhà Lê - Trịnh, Tây Sơn, triều Nguyễn) đều hoan nghênh Hoa kiều nhập hộ tịch, coi họ như đồng bào quý hoá của ta. Đây là một nét đặc sắc trong lịch sử nhân học và Hoa kiều tại

Việt Nam.

Chính sách khoan hoà và đồng hoá đối với người Hoa của chính quyền họ Nguyễn nhằm tránh những rắc rối có thể đem lại từ phía Trung Quốc, nhất là việc nhà Thanh có thể lợi dụng sự truy quét di thần nhà Minh mà đem quân vào lãnh thổ của mình, nên các chúa Nguyễn (cũng như chúa Trịnh) đều muxón biến họ thành dân hộ tịch của mình. Mặt khác, những người Hoa, nhất là những di thần nhà Minh không còn hy vọng gì trong việc khôi phục triều đại mình, cũng là để tránh sự truy sát của nhà Thanh nên họ cũng tự nguyện nhập hộ tịch ở Việt Nam thời kỳ này. Chúa Nguyễn Đàng Trong (cũng như chúa Trịnh Đàng Ngoài) thực hiện chính sách đồng hoá đều dựa trên ý thức “đồng chủng đồng văn” giữa người Hoa và người Việt. Chính vì nhà cầm quyền tin vào quan niệm đó, và cũng ý thức được từ thời thượng cổ quan niệm đó không ai hoài nghi, nên chính sách đồng hoá được tiến hành một cách thuận tiện, kết quả không những không xảy ra xích mích, trái lại cho di dân và dân bản xứ được dịp hợp tác và dung hoà, đã tạo nên một cơ sở vững chắc cho xã hội Việt Nam.

Có thể nói rằng, chính sách của chính quyền họ Nguyễn Đàng Trong đối với người Hoa khoan hoà, ưu ái, tôn trọng văn hoá, khôn khéo mềm dẻo nhưng cứng rắn với nguyên tắc bảo đảm chủ quyền và an ninh quốc gia trong việc sử dụng họ. Kết quả, người Hoa ở Đàng Trong đa phần trở thành thần dân của Chúa và sống hoà đồng với cộng đồng của dân bản địa không có xung đột về văn hoá và phát huy hết sở

trường của mình phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội Đảng Trong thời kỳ bấy giờ./.

## CHÚ THÍCH

1. *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Sử học, Hà Nội 1962, tr 154.
2. Cristophoro Borri: *Xứ Đảng Trong năm 1621*, Nxb TP. HCM, 1999, tr 92.
3. Lalleret Louis. Pierre Poivre. TCVD, 1887, p3. Dẫn theo Nguyễn Quốc Hùng: *Phố cổ Hội An và việc giao lưu văn hoá ở Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, 2004, tr 26.
4. Phan Khoang: *Việt sử xứ Đảng Trong 1558-1777*, Nxb Văn Học, 2001, tr 421.
5. Thành Thế Vỹ: *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Nxb Sử học, HN, 1961, tr 229.
6. Cristophoro Borri: *Xứ Đảng Trong năm 1621*, Nxb TP.HCM, 1998, tr 90.
7. G. Taboulet: *La Geste Fraçaice en Indochine (texte 43). Faifo en 1744 d'après Pierre Poive*, dẫn theo Phan Du: *Quảng Nam qua các thời đại, Q.thượng*, Cổ học tùng thư, 1974, tr 195.
8. Thích Đại Sán: *Hải ngoại ký sự, Q.3*. Viện Đại học Huế, 1963, tr 154.
9. Đông Dương- Mô tả bởi cha cố và các nhà du lịch. Tư liệu khoa Lịch sử- ĐHKHXH&NV- ĐHQGHN.
10. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, HN, 1977, tr 232.
11. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, HN, 1977, tr 232.
12. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, HN, 1977, tr 231.
13. Trần Kinh Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr 24.
14. A. Palrymphe- Robert Kirsop: *Sam accounts of Cohinchina*, 1750, trong *Oriental Repository*, vol.I, London, 1973, p 250 (Trích trong Trần Kinh Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960, tr 5.
15. Phan Du: *Quảng Nam qua các thời đại, quyển Thượng*, Cổ học tùng thư, 1974 tr 168.
16. Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam khảo cổ tập san, số 3, Sài Gòn, 1962, tr 15.
17. Trần Kinh Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An (tiếp)*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1962, tr 16.
18. Paul Boudier: *Công cuộc trình phục xứ Nam Kỳ của nhà Nguyễn và vai trò của những người Tàu di cư*, Tư liệu khoa Lịch Sử, Đại Học KHXH&NV- ĐHQGHN, KH: LS-TL/0145, tr 12.
19. *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Sử học, Hà Nội, 1962, tr 199.
20. *Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhất kỷ, II*, Nxb Sử học, Hà Nội 1963, tr 115.
21. *Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhất kỷ, II*, Nxb Sử học, Hà Nội 1963, tr 136.
22. Trần Kinh Hoà: *Họ Mạc tại Hà Tiên*, Văn hoá Á Châu, số 70, 71, Sài Gòn, tr 108.
23. *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Sử học, Hà Nội, 1962, tr 125.
24. Xem thêm: Trần Khánh: *Chính sách của nhà nước phong kiến Việt Nam đối với dân Trung Hoa di trú*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6, 2000, tr 68- 71; Châu Thị Hải: *Chính sách của các triều đại phong kiến Việt Nam đối với người Trung Hoa di cư*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 5, 1999, tr 64 - 69.
25. Xem Trịnh Đức Hoa: *Xã hội người Hoa Parian ở Manila (1582- 1860)*, Hoa kiều Hoa nhân lịch sử luận tùng, Sở Nghiên cứu Lịch sử Đông Nam Á, Đại học Trung Sơn, Trung Quốc, 1985, tr138 - 161.